

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
Bản án số: 63/2024/HNGĐ-ST

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày 26/8/2024
V/v: “Ly hôn, tranh chấp con
chung khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Tỉnh.

Các Hội thẩm nhân nhân:

- Ông Trần Văn Hoa
- Ông Lê Ngọc Phi

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thúy – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh N – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 216/2024/ TLST – HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn, Tranh chấp con chung khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024; quyết định hoãn phiên tòa số 67/2024/QĐST – HNGĐ ngày 08/8/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ C, ấp T, xã Q, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Hín Đạt P, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ G, thôn H, xã K, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/5/2024 và các biên bản làm việc tiếp theo tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày như sau:

Bà Nguyễn Thị H và ông Hín Đạt P sau một thời gian tìm hiểu đã tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã K vào năm 2016 và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn năm 2016. Việc chung

sống với nhau và đăng ký kết hôn là tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà ông P, từ khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2019 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và bà H đã dẫn các con về nhà mẹ đẻ tại xã Q sinh sống

Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, giữa hai vợ chồng không có tiếng nói chung nên không còn quan tâm đến nhau, ngoài ra trong cuộc sống ông P không quan tâm đến bà H và gia đình. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng sống không hạnh phúc nhưng vì thương con nên bà H chịu đựng hy vọng ông P sẽ thay đổi để nuôi dạy con cái nhưng đến nay đã gần 06 năm sống ly thân thì mâu thuẫn giữa ông P và bà H cũng không hóa giải được. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà H yêu cầu ly hôn với ông H1 Đạt Phu để có điều kiện xây dựng cuộc sống mới.

Về con chung: bà Nguyễn Thị H và ông H2 có 02 con chung là cháu Hín Nguyễn Anh K, sinh ngày 15/4/2017 và cháu Hín Nguyễn Anh K1, sinh ngày 02/4/2019, hiện nay đang ở với bà H, nếu ly hôn bà H yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Hín Đạt Phu vắng mặt trong suốt quá trình tham gia tố tụng và không có ý kiến gửi Tòa án về việc bà H yêu cầu ly hôn và giải quyết con chung khi ly hôn.

Phát biểu quan điểm của kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, là đúng trình tự, thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn vắng mặt tại các phiên tòa là chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung: Qua xem xét nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng, thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp:*

Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa ông Hín Đạt P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do, vì vậy xét xử vắng mặt ông P là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Qua xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là “Ly hôn, tranh chấp con chung khi ly hôn” giữa bà Nguyễn Thị H với

ông **Hín Đ** Phu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Châu Đức quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa bà **Nguyễn Thị H** với ông **Hín Đạt P** bắt đầu từ năm 2016, có đăng ký kết hôn với nhau tại **Ủy ban nhân dân xã K, huyện C** nên quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi đăng ký kết hôn, hai người chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn bà **H** cho rằng cuộc sống chung vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình hai người không hợp nhau, nên hay xảy ra xung đột, ngoài ra còn nguyên nhân kinh tế của gia đình cũng là nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay bà **H** xác định mâu thuẫn hôn nhân đã trầm trọng và kéo dài, không thể hóa giải được và kiên quyết yêu cầu ly hôn. Từ năm 2019 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và bà **H** đã dẫn các con về nhà mẹ đẻ tại **xã Q** sinh sống

Do ông **P** vắng mặt và không có ý kiến trình bày nên Tòa án căn cứ vào chứng cứ nguyên đơn cung cấp khi khởi kiện cũng như trong suốt quá trình tham gia tố tụng, nhưng chứng cứ Tòa án thu thập làm căn cứ giải quyết vụ án.

Xét yêu cầu của bà **H** cho thấy sau khi mâu thuẫn xảy ra, lẽ ra ông **P** và bà **H** phải cùng tìm nguyên nhân để hàn gắn vợ chồng và xây dựng gia đình nhưng mâu thuẫn kéo dài từ năm 2019 đến nay mạnh ai người đó sống, từ khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng đã không sống cùng nhà và không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, gia đình hai bên cũng đã tác động để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả.

Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng của ông **P** và bà **H** thực sự không còn tình trạng hôn nhân nhân trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài vì trong giai đoạn này là sự quyết liệt ly hôn của bà **H** và sự phó mặc của ông **P** cho chính quan hệ hôn nhân đang rạn nứt của mình thì cơ hội đoàn tụ vợ chồng là không có. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **H**.

[3]. *Về con chung*: Bà **Nguyễn Thị H** và ông **H2** có 02 con chung cháu **Hín Nguyễn Anh K**, sinh ngày 15/4/2017 và cháu **Hín Nguyễn Anh K1**, sinh ngày 02/4/2019, hiện nay đang ở với bà **H**, bà **H** yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông **P** cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của bà **H** cho thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay 02 cháu **A K** và **A K1** đang sống cùng bà **H**, quá trình giải quyết vụ án ông **P** không đến Tòa án để trình bày về việc nuôi dưỡng con chung, cháu **K** hiện trên 07 tuổi muốn ở với mẹ, do đó căn cứ vào điều kiện hiện nay nên cần chấp nhận yêu cầu của bà **H**, giao 02 cháu **A K** và **Anh K1** cho bà **H** nuôi dưỡng là phù hợp. Ông **P** không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 bà H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân & gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28, 35, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Hín Đạt P.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị H với ông Hín Đạt P có 02 con chung là cháu Hín Nguyễn Anh K, sinh ngày 15/4/2017 và cháu Hín Nguyễn Anh K1, sinh ngày 02/4/2019, hiện đang ở với bà H.

Bà Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung cháu Hín Nguyễn Anh K, sinh ngày 15/4/2017 và cháu Hín Nguyễn Anh K1, sinh ngày 02/4/2019, ông Hín Đ Phu không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi dưỡng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc chăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha hoặc mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi có lý do chính đáng, có thể yêu cầu cấp dưỡng và mức cấp dưỡng có thể thay đổi.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Hôn nhân & Gia đình bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003260 ngày 17/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức. Như vậy bà H đã nộp đủ án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận hoặc được niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS huyện XM;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Tòa án tỉnh; VKSND tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

Ngọ Văn Tĩnh